

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH T

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **32/2017/DS - ST**
Ngày: 08 - 8 - 2017
V/v tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Phú Sang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh B;
2. Bà Trần Thị Tuyết Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phú là Thư ký Toà án nhân dân huyện L, tỉnh T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh T tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện L, tỉnh T xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 52/2017/TLST- DS ngày 27 tháng 3 năm 2017 về Tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2017/QĐXX- ST ngày 05 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Thu V, sinh năm 1954; nơi cư trú: Tổ 8, ấp A, xã B, huyện C, tỉnh T.

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1984; nơi cư trú: Tổ 10, ấp H, xã K, huyện L, tỉnh T.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Anh Dương Trí B, sinh năm 1980; nơi cư trú: Số 81, ấp H, xã K, huyện L, tỉnh T.

Bà V có mặt, chị N vắng mặt lần thứ hai không có lý do, anh B có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/4/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án Nguyên đơn – bà Lê Thị Thu V trình bày:

Do được người quen giới thiệu nên vào các ngày 19/12/2016 và ngày 27/12/2016, chị N, anh B có đến mua mủ cao su (mủ chén) của bà và thanh toán tiền sau khi nhận mủ cao su. Đến ngày 03/01/2017 chị N tiếp tục đến mua mủ cao su với số lượng 2.840 kg với giá 20.500 đồng/kg, tổng cộng số tiền là 58.220.000 (năm mươi tám triệu hai trăm hai mươi ngàn) đồng. Khi cân mủ xong, chị N không thanh toán tiền và nói sẽ cho chồng chị mang tiền đến thanh toán sau nhưng trên thực tế kể từ ngày nhận mủ cao su, chị N chưa thanh toán cho bà số tiền 58.220.000 đồng mặc dù bà có đến nhà chị N yêu cầu chị N hoàn trả số tiền trên nhiều lần. Do đó bà khởi kiện yêu cầu chị N và anh B có trách nhiệm hoàn trả cho bà số tiền còn nợ là 58.220.000 đồng và bà không yêu cầu tính lãi.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 03/7/2017, bà thay đổi yêu cầu khởi kiện từ yêu cầu chị N, anh B có trách nhiệm hoàn trả số tiền 58.220.000 đồng sang chỉ yêu cầu chị N có trách nhiệm hoàn trả số tiền 58.220.000 đồng (năm mươi tám triệu hai trăm hai mươi ngàn đồng) và không yêu cầu tính lãi với lý do vào ngày 03/01/2017 chỉ có chị N trực tiếp mua mủ cao su của bà. Ý kiến này do bà tự nguyện.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn – chị Nguyễn Thị Hồng N trình bày:

Chị thống nhất với trình bày của bà Lê Thị Thu V về quá trình mua bán mủ cao su giữa chị và bà V, chị thừa nhận vào ngày 03/01/2017 có đến mua mủ chén của bà V với số lượng 2.840 kg với giá 20.500 đồng/kg, với tổng số tiền là 58.220.000 đồng (năm mươi tám triệu hai trăm hai mươi ngàn đồng) và cho đến nay chị vẫn chưa thanh toán cho bà V số tiền trên. Chị cho rằng toàn bộ số tiền nợ phát sinh từ việc mua bán mủ cao su trên không liên quan đến anh B và chị đồng ý hoàn trả cho bà V số tiền 58.220.000 đồng (năm mươi tám triệu hai trăm hai mươi ngàn đồng) như bà V yêu cầu

Trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án - người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Dương Trí B trình bày:

Do quen biết nên anh có cùng đi mua mủ cao su chung với chị N và anh có mua mủ của bà V chung với chị N 02 lần vào khoảng tháng 10, 11 của năm 2016. Cả 02 lần trên đã thanh toán xong tiền cho bà V. Việc chị N mua mủ cao su của bà V vào ngày 03/01/2017 và còn nợ tiền lại của bà V thì anh không biết và anh cũng không liên quan nên anh không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà V yêu cầu anh cùng chị N có trách nhiệm hoàn trả cho bà V số tiền 58.220.000 đồng.

Tại phiên tòa:

Bà Lê Thị Thu V vẫn giữ nguyên quan điểm khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Thị Hồng N hoàn trả số tiền 58.220.000 đồng (năm mươi tám triệu hai trăm hai mươi ngàn đồng) và không yêu cầu tính lãi.

Do chị Nguyễn Thị Hồng N vắng mặt tại phiên tòa nên không có ý kiến.

Do anh Dương Trí B có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt nên không có ý kiến.

* Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng: Những người tham gia tố tụng và tiến hành tố tụng trong vụ án đã chấp hành đúng quy định pháp luật khi giải quyết, xét xử vụ án.

+ Chị Nguyễn Thị Hồng N là bị đơn trong vụ án vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, anh Dương Trí B là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị N và anh B.

+ Về việc giải quyết nội dung vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 430, 440 Bộ luật dân sự; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thu V, buộc chị Nguyễn Thị Hồng N có trách nhiệm hoàn trả số tiền 58.220.000 đồng. Ghi nhận bà V không yêu cầu tính lãi và không yêu cầu anh Dương Trí B có trách nhiệm cùng chị Nguyễn Thị Hồng N hoàn trả cho bà V số tiền 58.220.000 đồng.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Do chị Nguyễn Thị Hồng N là bị đơn trong vụ án vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, anh Dương Trí B là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị N và anh B.

[2] Về Điều luật áp dụng: Do giao dịch dân sự được các đương sự thỏa thuận và thực hiện sau ngày Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực nên áp dụng các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thu V yêu cầu chị Nguyễn Thị Hồng N có trách nhiệm hoàn trả số tiền mua bán mủ cao su (mủ chén) là 58.220.000 đồng (Năm mươi tám triệu hai trăm hai mươi ngàn đồng) và không yêu cầu tính lãi thì Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị Hồng N thừa nhận có mua mủ của bà V với số tiền 58.220.000 đồng, tương đương 2.840 kg với giá 20.500 đồng/kg và cho đến nay chưa thanh toán số tiền trên cho bà V. Nay chị N đồng ý hoàn trả cho bà V số tiền 58.220.000 đồng. Ý kiến này của chị N là tự nguyện, không trái quy định tại các Điều 430, 434 và 440

Bộ luật Dân sự 2015 và phù hợp với yêu cầu khởi kiện của bà V nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Đối với việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của bà V yêu cầu chị Nguyễn Thị Hồng N có trách nhiệm hoàn trả cho bà V số tiền trên, không yêu cầu anh B cùng chị N có trách nhiệm hoàn trả cho bà V số tiền còn nợ thì Hội đồng xét xử thấy rằng việc thay đổi yêu cầu này là do bà V hoàn toàn tự nguyện, chị N và anh B cùng xác nhận ngày 03/01/2017 anh B không thực hiện việc mua mủ cao su của bà V và không trái quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Thị Hồng N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 430, 434, 440 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 146, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thu V về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản với chị Nguyễn Thị Hồng N.

Buộc chị Nguyễn Thị Hồng N có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Lê Thị Thu V số tiền còn nợ là 58.220.000 đồng (năm mươi tám triệu hai trăm hai mươi ngàn đồng). Ghi nhận bà V không yêu cầu tính lãi và không yêu cầu anh Dương Trí B cùng chị Nguyễn Thị Hồng N có trách nhiệm hoàn trả cho bà V số tiền 58.220.000 đồng.

Kể từ ngày bà Lê Thị Thu V có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Nguyễn Thị Hồng N không chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng chị Nguyễn Thị Hồng N còn phải trả cho bà Lê Thị Thu V số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2/ Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Hồng N phải chịu 2.911.000 (Hai triệu chín trăm mười một nghìn) đồng án phí sơ thẩm.

Bà Lê Thị Thu V không phải chịu án phí sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Lê Thị Thu V 1.455.500 (một triệu bốn trăm năm mươi lăm nghìn năm trăm đồng) tiền tạm ứng án phí bà V đã nộp theo biên lai thu số 0024083 ngày 27 tháng 3 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh T;

“Trường hợp, bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự.

Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Báo cho bà Lê Thị Thu V biết được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh T để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng chị Nguyễn Thị Hồng N, anh Dương Trí B được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T;
- VKSND tỉnh T;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THA DS huyện L;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án văn (s).

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Phú Sang